

Đệ tứ Pháp chủ - người thấp sáng ngọn lửa Hoa tông

ISSN: 2734-9195 14:12 11/08/2025

Vùng Đất thép thành đồng đã dung chứa, nuôi lớn bậc xuất trần thượng sĩ: Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng, một cao tăng của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Tác giả: **TS Triết học Thích Lệ Quang**

Tóm tắt: Củ Chi vùng đất nằm ở phía Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đây được mệnh danh là “*Đất thép thành đồng*”. Vùng đất Củ Chi không những đóng vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam; mà còn là nơi sản sinh, dưỡng nuôi những anh hùng cách mạng, những chí sĩ yêu nước như Nguyễn Thị Rành - Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Thủ tướng Phan Văn Khải, Thượng tướng Phan Trung Kiên – Anh hùng lực lượng Vũ trang Nhân dân...

Không những thế, vùng Đất thép thành đồng đã dung chứa, nuôi lớn bậc xuất trần thượng sĩ: Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng, một cao tăng của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Trong suốt cuộc đời hành đạo phụng sự nhân sinh, Ngài không những thấp sáng ngọn lửa triết lý kinh Pháp Hoa mang tư tưởng tiến bộ, phù hợp với xu thế thời hiện đại hết sức sâu sắc, mà còn thành lập nên Đạo tràng Pháp Hoa phát triển rực rỡ, hưng thịnh trải dài từ Nam chí Bắc.

Từ khóa: Thích Trí Quảng, đệ tứ Pháp chủ, thấp sáng ngọn lửa, Pháp Hoa tông, triết lý, thời hiện đại.

Củ Chi vùng đất nằm ở phía Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; một vùng đất gắn liền với những hào khí anh hùng cách mạng của dân tộc ta trong những năm kháng chiến bảo vệ nền độc lập quốc gia. Nếu hào khí Đông A của thời đại nhà Trần khắc ghi dấu ấn của thời đại lịch sử vàng son của dân tộc khi ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên – Mông, viết nên bản anh hùng ca về chí khí mạnh mẽ, oai hùng, khí thế chiến đấu hào hùng của quân và dân nhà Trần, thì vùng đất Củ Chi ngày nay được mệnh danh là “*Đất Thép Thành Đồng*”.

Đó là vùng đất không những sản sinh, dưỡng nuôi những anh hùng cách mạng, những chí sĩ yêu nước như Nguyễn Thị Rành - Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Thủ tướng Phan Văn Khải, Thượng tướng Phan Trung Kiên - Anh hùng lực lượng Vũ trang Nhân dân...; mà còn là vùng đất kết tinh của sức mạnh đoàn kết toàn dân, sức mạnh dân tộc, biểu hiện lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng thống nhất đất nước, quyết chiến quyết thắng với kẻ thù trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam thế kỷ 19 - 20.

Điều đó, chưa phải là dấu chấm hết cho một vùng đất địa danh nhân kiệt, mà còn là vùng đất sinh ra và lớn lên của các bậc xuất trần thượng sĩ của Phật giáo miền Nam bộ, đặc biệt là Đức đệ tứ Pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng, một cao tăng của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Trong suốt cuộc đời hành đạo phụng sự nhân sinh, Ngài không những thắp sáng ngọn lửa triết lý kinh Pháp Hoa mang tư tưởng tiến bộ, phù hợp với xu thế thời hiện đại hết sức sâu sắc, mà còn thành lập nên Đạo tràng Pháp Hoa phát triển rực rỡ, hưng thịnh trải dài từ Nam chí Bắc, tạo nên một phong trào tu học về kinh Pháp Hoa cho tăng, ni và tín đồ Phật tử trong và ngoài nước với phong cách mới về đường lối thực hành tu tập về kinh Pháp Hoa.



Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng. Ảnh sưu tầm.

Đôi nét về sự truyền thừa của tông Pháp Hoa

Khi nói đến **kinh Pháp Hoa**, không ai trong chúng ta từ tăng, ni, tín đồ Phật giáo đều không thể không biết đến bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa mang tư tưởng

của Đại thừa hết sức sâu sắc và nó đã trở thành một trong những bộ kinh hết sức có ý nghĩa của giới tu sĩ Phật giáo, là bộ kinh gối đầu nằm không thể thiếu trong các chùa chiền Phật giáo từ xưa cho đến nay.

Tuy nhiên, sự ra đời của kinh Pháp Hoa phản ánh một giai đoạn lịch sử xã hội của các trường phái tư tưởng **Phật giáo Đại thừa** và Tiểu thừa có điểm bất đồng, mâu thuẫn, luận tranh với nhau, đẩy Phật giáo vào sự suy thoái về tư tưởng, chia rẽ về lối sống trong tăng đoàn.

Đứng trước vận mệnh suy tàn và bất đồng giữa các quan điểm của các trường phái Phật giáo lúc bấy giờ, kinh Diệu Pháp Liên Hoa (法華經) đã xuất hiện, phá tan mọi bất đồng, mâu thuẫn, luận chiến giữa các luận thuyết của các luồng tư tưởng đương thời. Pháp Hoa tông dung hợp một cách hài hòa và xoa dịu mọi bất đồng về quan điểm truyền thống và quan điểm tiến bộ của các trường phái Phật giáo trong xã hội.

Kinh Pháp Hoa trình bày quan điểm của đức Phật về sự thống nhất và dung hợp các thừa pháp, chấp nhận tất cả các pháp môn trong một thể đại đồng; đồng thời lấy nhất thừa pháp làm hệ quy chiếu cho tất cả các thừa pháp khác của Phật giáo.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phương tiện thứ 2, đức Phật dạy rằng: *“Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh nói pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác”* [1].

Do đó, kinh Pháp Hoa đóng một vai trò hết sức to lớn, quan trọng trong hệ thống kinh điển của Phật giáo nói chung, Phật giáo Đại thừa nói riêng, khai mở cho con người thấy được một chân trời mới trong cách tiếp cận về lối sống, đạo đức, văn hóa, tư tưởng, quan niệm của con người mới trong một xã hội ngày càng tiến bộ, phát triển về mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, lối sống... hết sức đa dạng.

Theo các nhà Đại thừa giáo, kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharmapundarika Sutra) là do Bồ tát Long Thọ (Nargajuna) biên soạn. Ngài thuộc dòng Bà la môn, nước Tỳ Đạt Bà, miền Nam Ấn Độ, sinh khoảng 150-250 T.L và là Tổ thứ 13 của Thiền tông Ấn – Trung. Tư tưởng của Ngài phản ánh một học thuyết về Bát Nhã và Trung Quán hết sức sâu sắc, trong đó kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh nền tảng của hệ tư tưởng Đại thừa giáo và trở thành một bộ kinh quan trọng trong giáo lý Phật giáo Bắc truyền. Khi tư tưởng Bát Nhã và Trung Quán thâm nhập sâu vào Trung Hoa đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng Phật giáo Trung Hoa và được Thiền sư Huệ Văn (505 – 577) tiếp nhận, xiển dương làm phát triển thêm triết lý nhiệm mầu của nó về pháp *“Nhất tâm tam quán”* và

truyền lại cho thiền sư Huệ Tư (515- 577) sau này. Tuy nhiên, một bước ngoặt mở ra đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của tông Pháp Hoa, khi ngài Trí Khải (538 – 597) được truyền pháp tu quán về Pháp Hoa từ thiền sư Huệ Tư ở núi Đại Tô.

Chính vì vậy, khi ngài Trí Giả lập giáo khai tông Pháp Hoa đã tôn xưng Bồ tát Long Thọ làm sơ Tổ của Pháp Hoa tông, thiền sư Huệ Văn làm nhị Tổ, thiền sư Huệ Tư làm đệ tam Tổ. Ngài Trí Giả sống tại núi Thiên Thai, miền Nam Trung Hoa vào đời nhà Trần và nhà Tùy; cho nên tông Pháp Hoa còn có tên khác là tông Thiên Thai để ghi nhớ nơi địa danh mà Tổ Trí Khải đã hạ thủ công phu tu tập và đắc đạo. Từ khi thành lập tông Pháp Hoa, ngài lấy kinh Pháp Hoa làm nền tảng cốt lõi trong quá trình hoằng pháp lợi sinh và phát triển tông Pháp Hoa ngày càng rộng mở, có danh tiếng trong nền Phật giáo Trung Hoa lúc bấy giờ. Song, sau khi ngài Trí Khải (Giả) viên tịch, sự truyền thừa của tông Pháp Hoa đến thế hệ thứ năm: Ngài Quán Đảnh (561- 632), thứ sáu là ngài Trạm Nhiên (717 – 782), thế hệ thứ 7 là ngài Tối Trừng (767 – 822) thì nguồn năng lượng dự trữ của tông Pháp Hoa từ từ yếu dần, không còn đủ sức lực để phát triển mạnh ở Trung Hoa. Sang đến thế kỷ 12, ngài Nhật Liên (1222 – 1282), làm sống dậy phong trào tu học và truyền bá tông Pháp Hoa, nhưng không phải tại Trung Hoa, mà thành lập tông Pháp Hoa tại Nhật Bản.

Tại Nhật Bản, mô hình tông Pháp Hoa đã có sự thay đổi khác với truyền thống tại Trung Hoa; điều đó phản ánh điều kiện lịch sử - xã hội của Nhật Bản cần phải có sự đổi mới để phù hợp với con người, văn hoá, quan niệm sống, lối sống, tu tập, học Phật của người xứ mặt trời mọc. Ngài Nhật Liên lấy kinh Pháp Hoa làm cốt lõi cho tư tưởng và thực hành trên cơ sở dựa vào Tam đại bí pháp: Bốn môn bốn tôn, Bốn môn đề mục và Bốn môn giới đàn.

Trong quá trình lập giáo khai tông, ngài Nhật Liên luôn luôn phát triển năm vấn đề cơ bản trong tư tưởng của ông, đó là: kinh Pháp Hoa dùng để cứu độ chúng sinh trong đời mạt pháp; lấy quyển Lập Chánh An Quốc Luận làm tư tưởng chủ đạo của bốn tông; đề cao vấn đề Báo Ân; hồi hướng về cảnh Tịnh độ; thế giới Ta bà là nơi cần cứu độ chúng sinh. Cho nên, ngài Nhật Liên không căn cứ trên 28 phẩm kinh Pháp Hoa, mà triển khai, phát triển tư tưởng triết lý sâu xa của kinh thông qua 28 phẩm và thực hành đề mục 7 chữ: Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Bên cạnh, sự truyền bá tông Pháp Hoa của ngài Nhật Liên, thì có nhiều tu sĩ Phật giáo nổi tiếng tại Nhật Bản như ngài Saichō (Tối Trừng - 767-822), Dōgen (Đạo Nguyên - 1200-1253) ...đã nỗ lực truyền bá giáo pháp kinh Pháp Hoa trong quần chúng nhân dân, mang đến một sức sống mới cho tín đồ Phật giáo tại Nhật Bản.

Mặc dù vậy, sự hưng thịnh một thời của nó, đã không còn giữ được sau khi ngài Nhật Liên viên tịch, nguồn năng lượng dự trữ của trường phái Pháp Hoa không còn sử dụng được và đòi hỏi phải có một nguồn năng lượng thế hệ mới thay thế. Song, sự thay đổi thời thế của lịch sử đã khiến cho nó không tìm được nguồn lực đủ mạnh để thắp sáng ngọn lửa tông Pháp Hoa và đã bị tắt dần, tinh thần kinh Pháp Hoa đã bị lãng quên. Nếu có, chỉ là sự tin tưởng vào một biểu thức niệm *“Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”*, *“Tô quy y kinh Diệu Pháp Liên Hoa”* của ngài Nhật Liên.

Ở Việt Nam, thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai (43- 543), kinh Pháp Hoa được các nhà truyền giáo dịch thuật và truyền bá rất sớm như ngài Chi Cương Lương dịch kinh Pháp Hoa tam muội gồm có 6 quyển từ chữ Phạn ra chữ Hán vào khoảng năm 256 TL và ngài Khương Tăng Hội đã trích dịch phẩm Thí dụ với tên Phật thuyết tam xà dụ kinh lưu truyền trong các chùa chiền. Đến thời Lý – Trần, thời kỳ phát triển của Phật giáo, các thiền sư Bảo Tích và thiền sư Minh Tâm (khoảng 1034) xiển dương và trì tụng kinh Pháp Hoa suốt 15 năm.

Thiền sư Chân Không (tịch năm 1100) sau khi nghe kinh Pháp Hoa tại chùa Tĩnh Lự núi Đông Cứu liền tỏ ngộ yếu chỉ của kinh và được vua Lý Nhân Tông mời vào đại hội giảng kinh Pháp Hoa.

Thời Trần, kinh Pháp Hoa đã được thiền sư Pháp Loa viết với tên *“Pháp hoa kinh khoa sớ”*. Đặc biệt, kinh Pháp hoa được dịch và giải sớ nhất bằng tiếng Nôm của thiền sư Minh Châu - Hương Hải (1628 – 1715) vào năm Cảnh Hưng 8 – 1747 thời nhà Lê.

Theo Giáo sư Lê Mạnh Thát: *“nửa đầu thế kỷ XIX đã nổ ra một cao trào nghiên cứu kinh Pháp Hoa, mà kết quả ngày nay còn tìm được là Pháp hoa kinh giải của Thanh Đàm và đặc biệt bản dịch bằng thơ Pháp Hoa quốc ngữ kinh của Pháp Liên viết xong năm 1848 và in năm 1856”* [2]. Cho nên, kinh Pháp Hoa đã trở thành một bộ kinh quan trọng trong các chùa Phật giáo được tu sĩ và tín đồ Phật giáo trì tụng hằng ngày.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu cần thiết của tín đồ phật tử, cũng như nêu cao tinh thần dân tộc, từng bước thoát ly sự lệ thuộc vào văn hóa sử dụng chữ Hán, nhiều học giả, trí thức như cư sĩ Đoàn Trung Còn đã biên soạn bộ kinh Pháp Hoa bằng Việt Ngữ vào năm 1937. Không chỉ dừng lại ở việc dịch kinh từ chữ Hán sang chữ Việt, mà các vị Hoà thượng thời danh của Phật giáo Việt Nam đã chú giải, giải thích chi tiết yếu nghĩa của kinh văn làm sáng tỏ triết lý Đại thừa trong kinh Pháp Hoa. Trong đó có Hoà thượng Thích Trí Tịnh tại Liên hải Phật học đường đã hoàn thành tác phẩm mang tựa đề Pháp Hoa kinh cương yếu (1948); bản dịch và chú giải của Hoà thượng Thích Trí Nghiêm (1970); năm 1973, Hoà

thượng Thích Nhật Quang dịch từ tác phẩm của Thiền sư Minh Chánh (một thiền sư Việt Nam) tác phẩm mang tên Pháp Hoa đề cương giúp người đọc định hướng tư tưởng trước khi tiếp xúc bản kinh.

Cùng với đó, vào năm 1984, thiền sư Thích Từ Thông một pháp sư mang tư tưởng đốn ngộ và đường lối của Trí Giả Thiên Thai tông đã dịch và chú giải tác phẩm với tựa đề: Pháp Hoa kinh thâm nghĩa đề cương...và rất nhiều các vị Hoà thượng, trí thức Phật giáo đã dịch và chú giải về kinh Pháp Hoa. Tuy nhiên, để phát triển kinh Pháp Hoa có hệ thống, đường lối, phương pháp hành trì và trở thành một tông phái mang tính đặc thù về tông Pháp Hoa, đòi hỏi một con người phải có bản lĩnh, năng lực, trí tuệ và tâm huyết mới đủ nguồn năng lượng tiếp nối và phát triển đường lối kinh Pháp Hoa.

Chính vì vậy, Tỳ kheo Trí Quảng, một tu sĩ trẻ của thế kỷ 20, với tài năng, tâm huyết của mình muốn tiếp cận kinh Pháp Hoa trên cơ sở lý luận và đường lối hành trì với mục tiêu hướng đến sự giác ngộ từ góc nhìn triết lý trong kinh Pháp Hoa, thầy đã sang Nhật Bản du học, học tại trường Đại Học Rissho, nghiên cứu kinh Pháp Hoa từ trường phái của ngài Nhật Liên khi thầy mới tròn 25 tuổi. Năm 1991, sau khi về nước, thầy đã hoàn thành tác phẩm Lược giải kinh Pháp Hoa, tác phẩm này còn được in trong tập Trí Quảng toàn tập quyển hai. Tuy nhiên, câu chuyện ở đây không phải dừng lại ở việc lược giải về kinh Pháp Hoa thông thường, mà nó tiến xa hơn, rộng lớn hơn, có một tầm nhìn chiến lược hướng đến mục tiêu cho sự tiếp nối ngọn lửa tông Pháp Hoa tại Việt Nam sáng mãi trong lòng hàng nghìn tín đồ Đạo tràng Pháp Hoa ngày nay.

Đệ tứ Pháp chủ - thắp sáng ngọn lửa Pháp Hoa tông thời hiện đại

Như C.Mác đã viết: *“Các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học”* [3]. Thật vậy, sự thành lập Đạo tràng Pháp Hoa ngày nay phản ánh hiện thực đời sống xã hội của tín đồ Phật tử lúc bấy giờ. Sự ra đời của nó không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà nó vừa là sự phản ánh điều kiện lịch sử - xã hội, vừa là sự kế thừa những triết lý, tư tưởng lý luận trước đó, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của người Phật tử đương thời khát khao có một đường lối tiếp cận mới, mở ra một chương mới trong tiến trình tu tập về kinh Pháp Hoa. Đó không phải là sự đọc tụng về kinh Pháp Hoa theo nghĩa thông thường, mà nó đòi hỏi một sự dẫn dắt có hệ thống, tổ chức của một tông phái chính danh đối với người Phật tử tại Việt Nam trong thời đại mới.

Chính vì vậy, khác với những tu sĩ trẻ cùng thời, sau khi du học về nước, ngài Trí Quảng được các vị Tôn túc trong Giáo hội Phật giáo tín nhiệm, tiến cử tham gia vào công tác của Giáo hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh và Giáo hội Phật giáo Trung ương, từng bước đảm nhiệm nhiều chức vụ và trọng trách quan trọng trong Giáo hội. Song, với tâm huyết xây dựng một đường lối, phương pháp tu tập và hệ thống về Pháp Hoa tông; mùa Phật đản năm 1975, Ngài thành lập Đạo tràng Pháp Hoa đầu tiên tại Tổ đình Ấn Quang trên dưới 40 em thanh thiếu nhi sinh hoạt, tu tập lấy tên là chúng La hầu La và Ngọc Nữ. Có thể nói, đó là một cột mốc mang tính lịch sử, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong cuộc đời hành đạo của Ngài, đưa đến một triển vọng tươi sáng trong công cuộc phát triển và đổi mới cách tu, học về kinh Pháp Hoa của hàng triệu Phật tử nói chung, đệ tử Đạo tràng Pháp Hoa nói riêng trong tương lai.

Sau khi thống nhất Phật giáo vào năm 1981, Ngài được suy cử giữ nhiệm vụ Trưởng ban Hoằng pháp, Ngài bắt tay vào công việc hoằng pháp, vân du khắp các tỉnh, Thành phố từ miền Nam đến miền Bắc để thuyết giảng triết lý về kinh Pháp Hoa. Duyên thời đã đến, như *“hoa linh thoại đến thời tiết mới nở một lần”*, Ngài đã thiết lập Đạo tràng Pháp Hoa đầu tiên tại miền Bắc vào năm 1997 tại hội trường Khách sạn Kim Liên – Hà Nội với sự quy ngưỡng của gần 100 hội chúng. Đến nay, có khoảng trên 100 Đạo tràng Pháp Hoa, khoảng 40.000 hội chúng tu tập với số lượng lên đến trên 100.000 thành viên, trải dài khắp cả nước từ Nam chí Bắc.

Tuy nhiên, để chuẩn bị cho bước nhảy vọt *“khai giáo lập tông”*, truyền bá giáo lý, hình thành một hệ thống, tư tưởng, phương pháp thực hành đặc trưng, đồng thời xác lập một Đạo tràng Pháp Hoa riêng biệt, nhằm lan tỏa và hiểu rộng rãi trong cộng đồng; Ngài đã thành lập trụ sở chính của Đạo tràng Pháp Hoa tại chùa Huê Nghiêm, quận 2 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và biên soạn bộ sách với tựa đề *“Bốn môn Pháp Hoa kinh”* trên cơ sở của bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa gồm 28 phẩm thành 7 phẩm bao gồm: Phẩm Tựa, phẩm Pháp sư, phẩm Tùng địa dũng xuất, phẩm Như Lai thọ lượng, phẩm Phân biệt công đức, phẩm Phổ môn, phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát, làm cơ sở, căn cứ luận chứng và điểm tựa cho đồ chúng Đạo tràng Pháp Hoa tụng đọc, tu tập hằng ngày. Mặc dù, Bốn môn Pháp Hoa kinh hết sức ngắn gọn, súc tích, cô đọng, nhưng không làm mất đi triết lý, ý nghĩa nhiệm mầu của kinh Pháp Hoa. Đó là điểm đặc trưng riêng của đệ tử Pháp chủ nói riêng, Đạo tràng Pháp Hoa nói chung, mà đạo tràng khác không thể có được.

Mặc khác, để làm sáng tỏ triết lý siêu việt của kinh Pháp Hoa theo tư tưởng trường phái Pháp Hoa tông của Ngài Nhật Liên Thánh Nhân, Ngài đã cho ra đời tác phẩm gối đầu nằm Lược giải kinh Pháp Hoa, làm nền tảng cho đường lối và

phương pháp thực hành, tu luyện cho tín đồ Phật tử Đạo tràng Pháp Hoa cũng như làm tài liệu giảng dạy cho các thế hệ tăng, ni trong các trường đào tạo Phật giáo tại Việt Nam.

Có thể nói, kinh Pháp Hoa là một bộ kinh không thể thiếu trong cuộc đời Ngài, là mạng sống, hơi thở, là một phần không thể tách rời trong cuộc đời của Ngài, trong lời tựa Lược giải kinh Pháp Hoa, Ngài đã viết: *“Đối với tôi, kinh Pháp Hoa không phải là bộ kinh bằng giấy trắng mực đen nằm ngoài tôi. Trái lại, kinh đã ở trong tôi, biến thành chất dinh dưỡng nuôi sống thân mạng của chính tôi. Tôi cảm thấy cả một quá trình gắn bó cuộc đời mình với kinh Pháp Hoa một cách sâu xa, mật thiết, tự nhiên, không thể thiếu được”* [4].

Triết lý của kinh Pháp Hoa không nằm ở việc tụng đọc hằng ngày, đó chỉ là niềm tin sâu sắc vào kinh, nhưng chưa phải là thâm nhập vào yếu chỉ của kinh Pháp Hoa, cho nên Ngài viết: *“Niềm khao khát hiểu biết thúc đẩy tôi tiếp tục tham quan một số đạo tràng chuyên tu Pháp Hoa. Tôi nhận ra rằng muốn hiểu kinh, phải hành trì đúng pháp. Vì thế, có người đọc kinh, lầm tưởng là đã hiểu rõ tất cả nghĩa kinh. Nhưng dưới mắt đạo, họ vẫn chưa hiểu gì cả. Đây chính là kinh nghiệm bản thân tôi hơn 20 năm về trước”* [5].

Mặc dù vậy, nhiều người cho rằng pháp giáo của Pháp Hoa tông hay Thiên Thai tông là *“Ngũ thời Bát giáo”*. Song, theo Ngài, đây chỉ là cách pháp giáo của ngài Trí Giả, chia một đời thuyết pháp của đức Phật Thích Ca thành 5 thời. Điểm mấu chốt chính là thời Pháp Hoa hay Niết Bàn là cốt lõi nền tảng của Pháp Hoa tông, đó là thuần Viên giáo và tối thượng. Bởi vì, quan niệm ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát có thể đạt đến Thánh quả chỉ là pháp phương tiện tạm thời đưa ra, để cuối cùng cả ba thừa này đều hội nhập vào một thừa hay nói khác hơn tất cả giáo lý của Phật dạy sau cùng đều quy tụ vào Pháp Hoa. Nhưng vì nhân duyên Đức Phật xuất hiện ở thế gian này là cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi sinh tử, nên phương tiện thiện xảo chia ba thừa. Tông Pháp Hoa chỉ công nhận duy nhất có một thừa cứu độ tất cả chúng sinh ra khỏi sinh tử. Vì vậy, Pháp Hoa là pháp rốt ráo của Phật, là vua của các kinh.

Bên cạnh triết lý sâu sắc của kinh Pháp Hoa làm nền tảng cho Đạo tràng Pháp Hoa, thì phong cách thu nhận đồ chúng tu tập là một điểm đặc thù của Ngài. Một trong những điểm nhấn ở đây chính là thọ Pháp y, một điểm đặc trưng mang phong cách riêng có của Đạo tràng Pháp Hoa chính là truyền thọ pháp y ba cấp: Y vàng, Y mở và Y nâu. Để lĩnh thọ được y pháp, người Phật tử phải tuân thủ những quy định được Hoà thượng Tôn sư đặt ra trong chúng hội Đạo tràng:

+ Thọ Y vàng: Phải đăng ký ghi rõ Họ tên, năm sinh, địa chỉ. Đây là bước khởi đầu (nhập môn) cho một Phật tử khi quy y.

+ Thọ Y mở: Người Phật tử đã thọ Y vàng được 3 năm và phải thuộc 2 phẩm kinh thứ 25 và 28 trong Bốn Môn Pháp Hoa kinh.

+ Thọ Y nâu: Người Phật tử đã thọ Y mở được 3 năm và phải thuộc 7 phẩm kinh Bốn Môn Pháp Hoa.

Pháp Y có mối liên hệ mật thiết với bậc thầy Tôn sư, là cầu nối giữa hành giả với đức Phật, nhằm giúp hành giả luôn luôn cảm nhận sự an lành, xa rời trần cấu, phiền não, mỗi ngày sống gần với thế giới của chư Phật. Pháp y là phương tiện nhằm giúp chúng ta tu hành, đạt được giải thoát. Vì vậy, Pháp y còn có ý nghĩa là: Nhẫn Nhục y, Giải thoát y, Phước điền y, Cứu mạng y, Trí Tuệ y... Do đó, người thọ Pháp y không những thể hiện sự trung thành, quy y theo Đào tràng Pháp Hoa, mà còn mang trong mình một sứ mệnh hộ trì chính pháp, tu tập theo đường lối của Tôn sư, hướng đến mục tiêu giác ngộ để khai mở nguồn năng lượng trong nội tâm của mỗi hành giả.

Hơn 70 năm hành đạo, Ngài đã làm tròn trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trên cương vị lãnh đạo cao cấp của Giáo hội và được suy cử Đức đệ tứ Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đó là một minh chứng mang tính lịch sử cho những đóng góp, những công đức to lớn của Ngài trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Tuy nhiên, hơn thế nữa, là một nhà giáo dục, Ngài đã cống hiến phụng sự hết sức lực và tài năng của mình trong sự nghiệp đào tạo, giáo dục thế hệ tăng, ni và xây dựng thành công Học viện Phật giáo Việt Nam cơ sở II, tại xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh; là một nhà tu hành chân chính, Ngài đã khai mở một đường lối mới, mở ra một chương mới về lý giải kinh Pháp Hoa, thành lập nên Đạo tràng Pháp Hoa trải khắp cả nước, tạo nên phong trào tu học về kinh Pháp Hoa sâu rộng và lan tỏa sức sống mãnh liệt trong cộng đồng Phật tử trong nước và Phật tử tại hải ngoại. Theo chúng tôi, Đức đệ tứ Pháp chủ, Ngài xứng đáng là “ngọn đèn Tổ”, soi sáng cho thế hệ tăng, ni, Phật tử trong và ngoài nước noi gương tiếp bước để hoàn thiện lối sống, phong cách đạo đức cá nhân, hướng đến mục tiêu giác ngộ như kỳ vọng mà Ngài đã giáo huấn; Ngài xứng đáng được tôn vinh là “Tổ sư” khai sáng Đạo tràng Pháp Hoa nói riêng, tông Pháp Hoa tại Việt Nam nói chung trong thời đại ngày nay.

Tóm lại, Đức đệ tứ Pháp chủ, Trưởng lão Hoà thượng Thích Trí Quảng là một trong những cao Tăng tài, đức vẹn toàn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Nam bộ nói riêng. Là một vị lãnh đạo tinh thần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài đã góp phần cống hiến sức lực và tài năng của mình trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây

dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự đất nước; là một nhà Giáo dục tài năng, Ngài đã cống hiến phụng sự hết năng lực của mình trong công tác đào tạo, giáo dục thế hệ tăng, ni, “*tiếp nối hậu lai, báo Phật ân đức*”; là một bậc xuất trần thượng sĩ, Ngài đã tu hành đạt đến đỉnh cao của triết lý kinh Pháp Hoa và thể nhập vào Pháp Hoa giới; đặc biệt Ngài đã thành lập Đạo tràng Pháp Hoa khắp cả nước, thắp sáng lên ngọn lửa về tông Pháp Hoa của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại; chính ngọn lửa này đã làm sống dậy phong trào tu học về kinh Pháp Hoa sâu rộng cho hàng triệu tín đồ Phật giáo tu theo và đạt kết quả như kỳ vọng.

Nếu thế kỷ 12 xuất hiện một Thánh Nhân Nhật Liên xiển dương phong trào tu học kinh Pháp Hoa lớn mạnh tại Nhật Bản, thì thế kỷ 21, tại Việt Nam Ngài đệ tứ Pháp chủ đã nêu cao ngọn cờ lý luận về triết lý kinh Pháp Hoa theo tư tưởng tiến bộ, đổi mới phù hợp với xu thế thời hiện đại. Không những thế, Ngài đã thắp sáng ngọn lửa tu học, thọ trì kinh Pháp Hoa sâu rộng trong giới tu sĩ và Phật tử khắp mọi miền đất nước.

Do đó, với tài năng và đức độ của một bậc thượng sĩ, đức Đệ tứ Pháp chủ xứng đáng được tôn vinh là “*Tổ sư*” của Đạo tràng Pháp Hoa nói riêng, tông Pháp Hoa tại Việt Nam trong thời đại ngày nay nói chung; Ngài xứng đáng là ngọn đèn Tổ cho các thế hệ tăng, ni, tín đồ Phật tử Phật giáo, tiếp thu, kế thừa và tiếp bước trong sứ mệnh hộ trì chính pháp và hoằng hoá lợi sinh.

Trong tương lai, nguồn năng lượng dự trữ của Đạo tràng Pháp Hoa có còn đủ mạnh để duy trì, tồn tại và phát triển như thế nào, tùy thuộc vào thế hệ kế thừa có đủ độ tin cậy về niềm tin, tài đức, bản lĩnh để thay thế Ngài lãnh đạo hội chúng Đạo tràng Pháp Hoa phát triển bền vững với thời gian hay không vẫn còn là một ẩn số.

Tác giả: **TS Triết học Thích Lệ Quang**

Chú thích:

[1] Thích Trí Tịnh (dịch), kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phương tiện, Nxb. Tôn giáo, 2019, tr.67.

[2] Lê Mạnh Thát (2006), Pháp Liên- Pháp hoa quốc ngữ kinh, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.13.

[3] C.Mác và Ph. Ăngghen (2000), Toàn tập, tập 1, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 156.

[4]. HT. Thích Trí Quảng, Lược Giải kinh Pháp Hoa, <https://thuvienhoasen.org/a13113/luoc-giai-kinh-phap-hoa>.

[5]. HT. Thích Trí Quảng, Lược Giải kinh Pháp Hoa, <https://thuvienhoasen.org/a13113/luoc-giai-kinh-phap-hoa>.

Tài liệu tham khảo:

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, tập 1, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000.
2. HT. Thích Trí Quảng, Hai mươi mùa an cư, 2 quyển, NXB. Hồng Đức, 2014.
3. HT. Thích Trí Quảng, Lược Giải kinh Pháp Hoa, <https://thuvienhoasen.org/a13113/luoc-giai-kinh-phap-hoa>.
4. HT. Thích Trí Quảng, Phật giáo nhập thế và phát triển, NXB. Tôn giáo, 2008.
5. Lê Mạnh Thát, Pháp Liên- Pháp hoa quốc ngữ kinh, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
6. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, 3 tập, NXB. Văn học, Hà Nội, 2000.
7. Thích Trí Tịnh (dịch), kinh Diệu Pháp Liên Hoa, NXB. Tôn giáo, 2019.